

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T C
TỈNH SL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31-10-2019

V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Trung Trọng.

2. Bà Trương Thị Thủy.

- Thư ký phiên toà: Bà Lò Mai Xiêng -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt- Kiểm sát viên.

Ngày 15-10-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2019/TLST- HNGĐ ngày 15/02/2019, theo 27-09-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L. Sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Bản ĐQ, xã PL, huyện TC, S L.

Nơi công tác: Trường Tiểu học, trung học cơ sở LH, huyện TC, tỉnh SL. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Vũ Thanh B. Sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Bản ĐQ, xã P L, huyện TC, tỉnh S L. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 12/02/2019 và lời khai bổ sung tại Toà án nhân dân huyện Thuận Châu. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Thanh B đăng ký kết hôn với nhau từ ngày 06-6-2004 tại UBND xã P Lái, huyện T Châu, kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối.

Sau khi kết hôn chị và anh B chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B nghiện ma túy, chị và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh B vẫn không nghe, anh B đã được giáo dục tại xã 10 ngày, nhưng vẫn tiếp tục sử dụng ma túy. Đến năm 2016 anh B bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu xử phạt 24 tháng tù giam, sau khi mãn hạn tù trở về lại vẫn lao vào con đường nghiện ma túy, nhiều lần đánh đập, hành hạ chị và đe dọa giết chị làm ảnh hưởng đến tinh thần và cuộc sống của chị. Chị Nguyễn Thị L nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tin tưởng, thương yêu nhau, không thể chia sẻ mọi khó khăn trong cuộc sống nên đã viết đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T C giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị B giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Vũ Thanh B.

- *Về con chung*: Trong thời chung sống anh, chị có hai con chung tên là: Vũ Thị Quỳnh H- Sinh ngày 19-11-1995; Vũ Việt A- sinh ngày 17-01-2001. Nay ly hôn các cháu đã đến tuổi trưởng thành, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh B vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng và xác minh, thu thập chứng cứ, kết quả xác minh như sau:

Trong biên bản xác minh ngày 18/3/2019 tại bản Đ Q, xã P L, huyện TC và UBND xã PLái, huyện TC. Đại diện chính quyền địa phương cho biết: Anh Vũ Thanh B và chị Nguyễn Thị L có hộ khẩu thường trú tại Đ Q, xã P L, giữa anh B và chị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã P L, trong quá trình chung sống anh, chị có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B là đối tượng nghiện ma túy, đã đi cai nghiện và chấp hành án về. Hiện nay bản thân anh B vẫn là đối tượng nghiện ma túy, xã đang lập danh sách để áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Giữa anh B và chị L có hai con chung cùng hộ khẩu thường trú là: Vũ Thị Quỳnh H- Sinh ngày 19-11-1995; Vũ Việt A- sinh ngày 17-01-2001. Về tài sản chung, nợ chung: không nắm rõ. Từ ngày Tòa án thụ lý vụ án xin ly hôn giữa anh B và chị L, chính quyền địa phương đã giao thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự cho anh B, anh B được giao tận tay nhưng không ký vào biên bản giao nhận. Sau đó anh B bỏ đi khỏi nơi cư trú, không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng có liên lạc với chị B nhưng không nói địa chỉ cụ thể ở đâu. Ngày 20 và 21/9/2019, anh B về bản Đ Q, xã P L tổ chức đám cưới cho con gái, tuy nhiên anh B vẫn cố tình không đến Tòa án để giải quyết ly hôn. Anh B có nói đi làm ở dưới xuôi, không nói địa chỉ cụ thể ở đâu. Sau khi dự đám cưới con gái xong, anh B lại vắng mặt tại nơi cư trú và không đăng ký tạm vắng với chính quyền địa phương.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay chị Nguyễn Thị L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, nội quy phiên tòa đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Vũ Thanh B đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có cơ sở căn cứ.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Vũ Thanh B.

- *Về con chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. *Về tố tụng:* Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T C, tỉnh SL theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Vũ Thanh B: Từ ngày Tòa án thụ lý vụ án xin ly hôn giữa anh B và chị L, chính quyền địa phương đã giao thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự cho anh B, anh B được giao tận tay nhưng không ký vào biên bản giao nhận. Anh B đã biết việc chị L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Sau đó anh B bỏ đi khỏi nơi cư trú, không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng có liên lạc với chị L nhưng không nói cho chị L biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Ngày 20 và 21/9/2019, anh B về bản ĐQ, xã PhL tổ chức đám cưới cho con gái, tuy nhiên anh B vẫn cố tình không đến Tòa án để giải quyết ly hôn. Anh B có nói đi làm ở dưới xuôi, không nói địa chỉ cụ thể ở đâu. Sau khi dự đám cưới con gái xong, anh B lại vắng mặt tại nơi cư trú và không đăng ký tạm vắng với chính quyền địa phương. Mặt khác Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng, làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại

các Điều 179, Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo điểm b khoản 2 Điều 227 BLDS.

[3]. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P L, huyện T Ch, tỉnh S L vào ngày 06 tháng 6 năm 2004 đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh B là hợp pháp, cần được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do anh B nghiện ma túy, chị và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh B vẫn không nghe, anh B đã được đi cai nghiện bắt buộc, nhưng vẫn tiếp tục sử dụng ma túy. Đến năm 2016 anh B bị Tòa án nhân dân huyện T C xử phạt 24 tháng tù giam, sau khi mãn hạn tù trở về lại vẫn lao vào con đường nghiện ma túy, nhiều lần đánh đập, hành hạ và đe dọa giết chị L làm ảnh hưởng đến tinh thần và cuộc sống của chị L. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh B, hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Vũ Thanh Bình.

[4]. *Về con chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. *Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng*: Căn cứ vào khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Vũ Thanh B.

2. Về con chung: Đã đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Chị Nguyễn Thị L phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là: 3.000.000đ (ba triệu đồng chẵn) và phí TM là: 44.000đ (Bốn mươi bốn nghìn đồng chẵn). Tổng cộng là: 3.044.000đ (Ba triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng chẵn). Được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo các giấy nộp tiền ngày 17/5/2019 và hóa đơn giá trị gia tăng ngày 21 và ngày 24 tháng 05 năm 2019.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T C theo biên lai thu số: AA/2016/0001519, ngày 15-02-2019.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Vũ Thanh B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo thủ tục hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện T C (2 bản);
- UBND xã P Lái, H.T C;
- Chi cục THADS huyện T C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Chiến